

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

MỤC LỤC

Trang

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 04
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 3, ngày cấp 04/12/2013.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 14.844.000.000 đồng

Vốn thực tế 14.844.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3516 2933

Mã số thuế: 0 3 0 3 2 1 8 2 1 3

Hội đồng thành viên

- Ông Lưu Văn Cường

Chức vụ

Chủ tịch

- Ông Dương Hồng Nhân

Thành viên

- Bà Phạm Thị Ánh Hồng

Thành viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Chức vụ

- Ông Dương Hồng Nhân

Giám đốc

- Ông Trần Công Thuận

Phó giám đốc

- Bà Lâm Thị Hoàng Hương

Phó giám đốc

- Bà Phạm Thị Ánh Hồng

Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Vệ sinh đô thị; Quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước giao Quận quản lý. Tham gia chương trình giải tỏa và xây dựng bố trí tái định cư theo quy định của thành phố. Quản lý cây xanh, công viên. Quản lý bảo dưỡng và phát triển hệ thống công trình công cộng; Bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước giao Quận quản lý. Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông theo phân cấp. Đào và tái lập mặt đường, vỉa hè để gắn, dời đồng hồ nước, sửa bể hệ thống cấp nước; ...

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 01 năm 2015

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Dương Hồng Nhân

Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh, được lập ngày 29/01/2015, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN TIẾP THEO)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định của công ty tại ngày 31/12/2014 và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để xác định tính hiện hữu và giá trị của khoản số dư này.

- Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đã được các Cơ quan ban ngành xét duyệt. Đối với chỉ tiêu này, chúng tôi căn cứ vào báo cáo quyết toán quỹ tiền lương của công ty lập ngày 31/12/2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2015

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên

NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2013-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.515.925.453	92.207.749.817
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.061.351.607	63.024.565.932
Tiền	111	V.01	43.214.397.911	56.574.612.300
Các khoản tương đương tiền	112		6.846.953.696	6.449.953.632
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		34.080.556.279	14.891.167.846
Phải thu của khách hàng	131	V.02	17.472.040.690	6.881.696.977
Trả trước cho người bán	132	V.03	6.557.646.361	7.423.417.314
Các khoản phải thu khác	135	V.04	10.050.869.228	586.053.555
Hàng tồn kho	140		21.843.330.204	15.608.786.540
Hàng tồn kho	141	V.05	21.843.330.204	15.608.786.540
Tài sản ngắn hạn khác	150		(1.469.312.637)	(1.316.770.501)
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	(1.469.312.637)	(1.316.770.501)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.418.829.450	32.420.000.221
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.791.937.070	2.064.559.167
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.07	6.791.937.070	2.064.559.167
Tài sản cố định	220		3.744.079.703	5.999.945.825
TSCĐ hữu hình	221	V.08	3.744.079.703	5.999.945.825
Nguyên giá	222		15.471.179.325	15.516.076.842
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.727.099.622)	(9.516.131.017)
Bất động sản đầu tư	240		22.656.980.044	23.394.590.270
Nguyên giá	241	V.09	34.714.493.114	35.880.252.918
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.057.513.070)	(12.485.662.648)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		225.832.633	960.904.959
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	225.832.633	960.904.959
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		137.934.754.903	124.627.750.038

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		76.758.619.675	57.900.343.927
Nợ ngắn hạn	310		73.266.119.675	53.272.843.927
Phải trả cho người bán	312	V.11	18.765.950.090	15.306.542.217
Người mua trả tiền trước	313	V.12	194.982.963	1.269.377.089
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	6.847.179.722	3.015.987.765
Phải trả công nhân viên	315	V.14	7.634.705.769	7.799.001.167
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.15	39.857.024.210	34.057.932.180
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	(33.723.079)	(8.175.996.491)
Nợ dài hạn	330		3.492.500.000	4.627.500.000
Phải trả dài hạn khác	333	V.17	25.000.000	25.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	V.18	3.187.500.000	4.462.500.000
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	V.19	280.000.000	140.000.000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.176.135.228	66.727.406.111
Vốn chủ sở hữu	410		26.968.553.317	32.201.702.132
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	14.844.000.000	14.844.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.771.428.089	928.993
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.411.706.410	1.154.873.378
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.941.418.818	16.201.899.761
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.21	34.207.581.911	34.525.703.979
Nguồn kinh phí	432		7.697.964.952	7.278.476.794
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		26.509.616.959	27.247.227.185
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		137.934.754.903	124.627.750.038

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểuPhạm Thị Ánh Hồng
Kế toán trưởngDương Hồng Nhân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	151.723.850.339	159.691.084.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.383.712.262	23.918.124.664
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.340.138.077	135.772.959.790
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	117.973.571.006	121.735.905.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.366.567.071	14.037.054.173
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.503.002.368	1.865.651.415
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	314.314.063	317.528.125
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		314.314.063	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.579.542.133	10.582.140.259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.975.713.243	5.003.037.204
11. Thu nhập khác	31	VI.6	160.350.543	72.862.727
12. Chi phí khác	32	VI.7	35.881.007	231.140.676
13. Lợi nhuận khác	40		124.469.536	(158.277.949)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.100.182.779	4.844.759.255
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.531.240.211	1.211.189.813
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.568.942.568	3.633.569.442
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểuPhạm Thị Ánh Hồng
Kế toán trưởngDương Hồng Nhân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		57.519.370.601	147.743.564.039
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.448.865.345)	(69.600.545.175)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(64.868.992.719)	(50.664.632.452)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(314.314.063)	(317.528.125)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.105.319.115)	(4.376.583.432)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		93.289.734.723	17.577.719.314
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(57.197.365.390)	(57.241.891.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(8.125.751.308)	(16.879.897.030)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.068.815.930)	(12.481.817)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.350.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.503.002.368	449.953.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.562.463.017)	437.471.815

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.275.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(1.275.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.963.214.325)	(16.442.425.215)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		63.024.565.932	79.466.991.147
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		50.061.351.607	63.024.565.932

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh Hồng
Kế toán trưởng

Dương Hồng Nhân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận Bình Thạnh là một Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303218213 ngày 14 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 3, ngày cấp 04/12/2013.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH do Nhà nước làm chủ sở hữu

- Vốn điều lệ đăng ký: 14.844.000.000 VND

- Vốn thực góp: 14.844.000.000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Ngành nghề kinh doanh:

Vệ sinh đô thị; Quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước giao Quận quản lý. Tham gia chương trình giải tỏa và xây dựng bố trí tái định cư theo quy định của thành phố. Quản lý cây xanh, công viên. Quản lý bảo dưỡng và phát triển hệ thống công trình công cộng; Bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước giao Quận quản lý. Duy tu bảo dưỡng công trình giao thông theo phân cấp. Đào và tái lập mặt đường, vỉa hè để gắn, dời đồng hồ nước, sửa bể hệ thống cấp nước; ...

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng;

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được;

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ;

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	02 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc theo từng giai đoạn nghiệm thu và quyết toán.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	517.224.900	1.899.669.955
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	183.524.900	1.565.969.955
+ Vàng bạc, kim khí, đá quý	333.700.000	333.700.000
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	42.697.173.011	54.674.942.345
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	24.134.401.030	35.032.612.945
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT Việt Nam	10.177.264.200	10.070.393.600
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	2.112.562
- Ngân hàng TMCP Việt Á	8.385.507.781	9.569.823.238
Các khoản tương đương tiền	6.846.953.696	6.449.953.632
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6.846.953.696	6.449.953.632
Tổng cộng	50.061.351.607	63.024.565.932

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	Cuối năm	Đầu năm
2. Phải thu khách hàng		
- Phòng tài chính kế hoạch Quận Bình Thạnh	2.103.953.039	1.100.163.417
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây Dựng	67.629.000	67.629.000
- Các công nợ cá nhân nhà Sở hữu Nhà nước	5.597.789.809	5.704.799.560
- Công ty Môi trường Đô Thị	9.394.627.112	-
- Các khách hàng khác	308.041.730	9.105.000
Tổng cộng	17.472.040.690	6.881.696.977
3. Trả trước cho người bán		
- Công Ty TNHH Phát Triển Đô Thị An Phước	4.020.459.600	5.020.459.600
- Công ty TNHH ĐT XD TM Kiến Quốc	2.223.544.272	2.223.544.272
- Công ty CP ĐT Tư vấn Xây Dựng Tổng hợp	137.552.800	-
- Khảo sát thiết kế - Lô 4 - 6 CXTĐ	80.163.000	80.163.000
- CN Công ty Vissan - XN Chế biến KDTP	79.450.800	-
- Các khách hàng khác	16.475.889	99.250.442
Tổng cộng	6.557.646.361	7.423.417.314
4. Các khoản phải thu khác		
- Ông Trần Anh Đức (Thuế tài định)	52.651.500	52.651.500
- UBND Quận Bình Thạnh (42 căn nhà Tạm cư P21)	338.670.743	338.670.743
- Chi phí đo vẽ nhà sở hữu Nhà nước	35.060.353	35.060.353
- Bảo hiểm xã hội, y tế	163.558.944	121.350.760
- XNBL Xăng dầu (Chi phí xăng dầu)	147.508.728	-
- Chi phí giải tỏa Lô 4-6 CX Thanh Đa	372.445.322	-
- Thuế VAT phải thu (Hợp đồng sản phẩm công ích năm 2014)	8.824.635.512	-
- Phải thu khác	116.338.126	38.320.199
Tổng cộng	10.050.869.228	586.053.555

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

5. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	47.802.497	32.793.634
Công cụ, dụng cụ	42.216.000	496.635.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	21.753.311.707	15.079.357.906
Cộng giá gốc hàng tồn kho	21.843.330.204	15.608.786.540
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	21.843.330.204	15.608.786.540
 <i>(*) Chi tiết các chi phí kinh doanh dở dang:</i>		
- Thi công các công trình kinh doanh	4.464.105.364	4.273.427.663
+ Nâng cấp vỉa hè đường Xô Viết Nghệ Tĩnh Quận Bình Thạnh	150.535.000	2.120.267.257
+ Sửa chữa lô C Cư xá Thanh Đa, P27, Quận Bình Thạnh	-	897.615.000
+ Công trình Đài tưởng niệm liệt sĩ Quận Bình Thạnh	1.799.479.000	-
+ Công trình tái lập mặt đường	389.616.108	-
+ Thi công công trình kinh doanh khác	2.124.475.256	1.255.545.406
- Hoạt động dự án	17.127.549.843	10.454.488.243
+ Dự án phường 13	17.118.514.543	10.445.452.943
+ Dự án khác	9.035.300	9.035.300
- Duy tu đường bộ	152.780.000	342.565.500
- Quản lý nhà	8.876.500	8.876.500
- Khác	90.018.497	529.428.634
 7. Tài sản ngắn hạn khác		
- Các khoản tạm ứng bao gồm:	421.946.290	519.789.597
+ Nguyễn Ngọc Nga	87.953.239	291.429.124
+ Phạm Đình Nghị	14.265.281	25.033.803
+ Đỗ Thích	-	77.626.670
+ Trịnh Huy Dương	80.000.000	80.000.000
+ Lê Thanh Tươi	100.000.000	-
+ Phạm Xuân Quang	109.727.770	-
+ Các khoản tạm ứng khác	30.000.000	45.700.000
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134.228.700	134.076.300
- Chi sự nghiệp	(2.025.487.627)	(1.970.636.398)
Tổng cộng	(1.469.312.637)	(1.316.770.501)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.512.133.999			2.512.133.999
PTVTài, truyền dẫn	12.687.363.561			12.687.363.561
Dụng cụ quản lý	316.579.282		44.897.517	271.681.765
Tổng cộng	15.516.076.842	-	44.897.517	15.471.179.325

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa, vật kiến trúc	2.018.199.552	198.870.504		2.217.070.056
PTVTài, truyền dẫn	7.288.428.690	2.027.113.782		9.315.542.472
Dụng cụ quản lý	209.502.775	29.881.836	44.897.517	194.487.094
Tổng cộng	9.516.131.017	2.255.866.122	44.897.517	11.727.099.622

Giá trị còn lại

Nhà cửa, vật kiến trúc	493.934.447			295.063.943
PTVTài, truyền dẫn	5.398.934.871			3.371.821.089
Dụng cụ quản lý	107.076.507			77.194.671
Tổng cộng	5.999.945.825	-		3.744.079.703

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	146.430.000
- PTVTài, truyền dẫn	1.908.687.500
- Dụng cụ quản lý	152.154.493
Tổng cộng	2.207.271.993

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	35.880.252.918	25.264.800	1.191.024.604	34.714.493.114
Tổng cộng	35.880.252.918	25.264.800	1.191.024.604	34.714.493.114

Khấu hao lũy kế

Nhà cửa, vật kiến trúc	12.485.662.648		428.149.578	12.057.513.070
Tổng cộng	12.485.662.648	-	428.149.578	12.057.513.070

Giá trị còn lại

Nhà cửa, vật kiến trúc	23.394.590.270			22.656.980.044
Tổng cộng	23.394.590.270			22.656.980.044

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

10. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Số dư đầu năm	960.904.959	-
Tăng trong năm	187.850.597	-
Đã kết chuyển vào CP SXKD trong năm	922.922.923	-
Số dư cuối năm	225.832.633	960.904.959
11. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (các khoản thu tiền nhà trả góp chung cư + nền đất tái định cư)	14.152.134.494	9.752.629.661
- Lê Minh Vũ-Vận chuyển rác - Xe ép 2185	1.032.507.994	-
- Lê Thanh Tươi - Vận chuyển rác - Xe ép 7579	1.066.051.614	-
- Công trình sửa chữa Đài Tưởng Niệm Liệt Sĩ Q Bình Thạnh	216.865.000	-
- Duy tu khoán quản lý Quý 4/2014	473.490.528	-
- Công trình văn phòng Ban Quản Lý Chợ Thanh Đa	87.990.000	-
- Công trình sửa chữa Trường THCS Yên Thế	536.760.000	-
- Công trình sửa chữa Trụ sở VP Công ty	263.790.000	-
- Công trình xây mới Trạm Y tế Phường 3	265.720.000	-
- Công Ty TNHH Phát Triển Đô Thị An Phước	-	5.020.459.600
- Quỹ Phát triển Nhà ở Thành phố - Dự án Phường 26	455.117.338	455.117.338
- Các khách hàng khác	215.523.122	78.335.618
Tổng cộng	18.765.950.090	15.306.542.217
12. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
- Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng Quận Bình Thạnh	8.385.147	916.794.147
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Giáo dục HUTECH	500.000	165.500.000
- Phòng Tài Chính Kế Hoạch Quận Bình Thạnh	50.316.096	41.704.136
- Khách hàng khác	135.781.720	145.378.806
Tổng cộng	194.982.963	1.269.377.089

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

13. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	517.170.378	60.774.206
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.529.163.881	1.103.242.785
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	521.997.115	463.537.413
Thuế thu nhập cá nhân	99.691.008	280.650.749
Các khoản phí, lệ phí vệ sinh	271.705.275	265.402.383
Nộp 60% tiền thu nhà SHNN	170.196.311	170.196.311
Nộp 60% tiền thu nhà SXKD	672.183.918	672.183.918
Nộp ngân sách Thành phố nhà thuộc SHNN	3.065.071.836	
Tổng cộng	6.847.179.722	3.015.987.765

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

14. Phải trả công nhân viên

	Cuối năm	Đầu năm
Lương nhân viên văn phòng	617.526.321	1.182.802.588
Lương bộ phận dịch vụ vệ sinh	5.357.727.485	4.029.489.867
Lương bộ phận quản lý nhà	548.932.819	1.478.297.987
Lương bộ phận CVCX	85.388.708	93.098.559
Lương viên chức quản lý	1.025.130.436	1.015.312.166
Tổng cộng	7.634.705.769	7.799.001.167

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	106.742.820	-
- Phải trả ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78.969.152	77.915.152
- Lãi thu hộ chung cư Dự án P7	705.572.680	701.572.680
- Lãi thu hộ chung cư tái định cư	6.363.940.944	6.658.907.652
- Thuế GTGT thu hộ chung cư tái định cư	8.102.524.266	10.160.101.930
- Công ty Phát Triển nhà BT	404.311.000	404.311.000
- Dự án Phường 07 - Giá trị quyền sử dụng đất	1.677.260.080	1.677.260.080
- Thuế thu nhập cá nhân	237.265.724	29.375.532
- Ban BTGPMB Quận 1-DA Đại lộ Đông Tây	208.811.857	-
- Ban BTGPMB Quận 4-DA Đại lộ Đông Tây	147.979.001	-
- Ban BTGPMB Quận 5-DA Đại lộ Đông Tây	570.938.283	-
- Doanh thu chưa thực hiện	18.122.822.303	14.209.372.454
- Lương công nhân viên	2.826.811.653	
- Các khoản phải trả khác	303.074.447	139.115.700
Tổng cộng	39.857.024.210	34.057.932.180

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
- Số dư cuối năm	(33.723.079)	(8.175.996.491)

17. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	25.000.000	25.000.000
Tổng cộng	25.000.000	25.000.000

18. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn (*)	3.187.500.000	4.462.500.000
Tổng cộng	3.187.500.000	4.462.500.000

(*) Vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 13.36.0032/HĐTD với các nội dung chính như sau:

Thời hạn vay: 48 tháng

Lãi suất vay: 8,3%/năm

Tài sản đảm bảo: Số tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn số tiền: 6.000.000.000 đồng

Ngày đáo hạn: 04/04/2017

19. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	280.000.000	140.000.000
Tổng cộng	280.000.000	140.000.000

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	14.844.000.000	6.512.126.519	928.993	1.154.873.378
Tăng trong năm trước				
Lãi trong năm trước		9.689.773.111		
Lỗ trong năm trước				
Khác		131		
Số dư cuối năm trước	14.844.000.000	16.201.899.761	928.993	1.154.873.378
Tăng vốn trong năm			3.770.499.096	1.256.833.032
Giảm vốn năm nay				
Lãi trong năm		5.568.942.568		
Giảm khác		15.829.423.511		
Số dư cuối năm nay	14.844.000.000	5.941.418.818	3.771.428.089	2.411.706.410

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của nhà nước	14.844.000.000	100	14.844.000.000	100
Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
Số dư đầu năm 01/01/2014			14.844.000.000	
Tăng trong năm				-
Giảm trong năm				
- Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2014			14.844.000.000	
21. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
1. Nguồn kinh phí				
- Số dư đầu năm 01/01/2014	7.278.476.794			
Tăng trong năm	15.257.623.027			
-Thu hộ ngân sách các tiền nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	14.590.256.618			
-Thu 2% chi phí quản lý chung cư	87.218.533			
-Thu 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	70.401.571			
-Thu phí lệ phí vệ sinh	490.460.810			
-Các khoản thu khác	19.285.495			
Giảm trong năm	14.838.134.869			
-Chi nộp tiền nhà sở hữu của Nhà nước và nhà sản xuất kinh doanh	14.590.256.618			
-Thu 2% chi phí quản lý chung cư	20.150.000			
-Chi 3% chi phí đầu tư sửa chữa chung cư	90.487.000			
-Các khoản chi khác	137.241.251			
- Số dư cuối năm 31/12/2014	7.697.964.952			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	Cuối năm			
- Số dư đầu năm 01/01/2014	27.247.227.185			
Tăng trong năm	25.264.800			-
Giảm trong năm	762.875.026			-
- Số dư cuối năm 31/12/2014	26.509.616.959			-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.723.850.339	159.691.084.454
Trong đó:		
Doanh thu công trình kinh doanh	12.779.240.291	-
Doanh thu dịch vụ công ích	33.545.866.000	-
Doanh thu thu gom rác	52.663.970.691	-
Doanh thu vận chuyển rác	20.207.272.008	-
Doanh thu thu lệ phí vệ sinh	7.853.053.998	-
Doanh thu dịch vụ vệ sinh công nghiệp	465.438.182	-
Doanh thu nhà cho thuê ở	6.741.181.245	-
Doanh thu nhà sản xuất kinh doanh	7.272.596.596	-
Doanh thu nhà xe thanh đã	576.478.777	-
Doanh thu dịch vụ quản lý nhà khác	1.282.757.931	-
Doanh thu đội công viên cây xanh	2.450.679.681	-
Doanh thu duy tu đường bộ	5.885.314.939	-
Doanh thu năm trước	-	159.691.084.454
Các khoản giảm trừ doanh thu:	18.383.712.262	23.918.124.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.340.138.077	135.772.959.790
23. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn công trình kinh doanh	12.089.039.334	-
Giá vốn dịch vụ công ích	30.027.058.100	-
Giá vốn thu gom rác	46.753.599.822	-
Giá vốn vận chuyển rác	15.920.680.254	-
Giá vốn thu lệ phí vệ sinh	2.624.594.539	-
Giá vốn dịch vụ vệ sinh công nghiệp	465.820.047	-
Giá vốn dịch vụ quản lý nhà khác	1.337.902.450	-
Giá vốn đội công viên cây xanh	3.324.547.620	-
Giá vốn duy tu đường bộ	5.430.328.840	-
Giá vốn	-	121.735.905.617
Tổng cộng	117.973.571.006	121.735.905.617
24. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.503.002.368	1.865.651.415
Tổng cộng	1.503.002.368	1.865.651.415

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

	Năm nay	Năm trước
25. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	7.356.613.775	6.357.552.520
Chi phí vật liệu quản lý	187.226.815	284.706.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.056.924	381.758.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.927.272	291.850.545
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	571.861.477
Chi phí dự phòng	140.000.000	140.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.551.321	223.374.076
Chi phí bằng tiền khác	1.103.166.026	2.331.036.659
Tổng cộng	9.579.542.133	10.582.140.259
26. Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	59.100.000
Thuê mặt bằng 23 số 23 Trần Quý Cáp, Bình Thạnh	118.181.818	-
Các khoản thu nhập khác	42.168.725	13.762.727
Tổng cộng	160.350.543	72.862.727
27. Chi phí khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	6.500.000
Chi phí khác	35.881.007	224.640.676
Tổng cộng	35.881.007	231.140.676
28. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.100.182.779	4.844.759.255
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	140.000.000	
Thu nhập tính thuế	6.960.182.779	4.844.759.255
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.531.240.211	1.211.189.813

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Cơ quan Kiểm toán Nhà Nước Khu vực IV khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số dư theo BCKT của KTNN KV 4	Số dư theo BCTC tại ngày 31/12/2013	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
- Trả trước cho người bán	7.423.417.314	2.402.957.714	5.020.459.600
- Các khoản phải thu khác	586.053.555	1.585.988.928	(999.935.373)
- Hàng tồn kho	15.608.786.540	15.112.151.540	496.635.000
- Phải trả cho người bán	15.306.542.217	10.286.082.617	5.020.459.600
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.015.987.765	3.409.391.798	(393.404.033)
- Phải trả công nhân viên	7.799.001.167	13.162.310.926	(5.363.309.759)
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.057.932.180	25.680.041.553	8.377.890.627
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.175.996.491)	479.172.063	(8.655.168.554)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.844.000.000	42.262.349.489	(27.418.349.489)
- Quỹ đầu tư phát triển	928.993	-	928.993
- Quỹ dự phòng tài chính	1.154.873.378	2.026.975.151	(872.101.773)
- Lợi nhuận chưa phân phối	16.201.899.761	9.689.773.242	6.512.126.519
- Nguồn kinh phí	7.278.476.794	7.339.336.705	(60.859.911)
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	27.247.227.185	-	27.247.227.185
Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Các khoản giảm trừ	23.918.124.664	15.346.551.264	8.571.573.400
- Giá vốn hàng bán	121.735.905.617	122.232.540.790	(496.635.173)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.211.189.813	3.229.924.371	(2.018.734.558)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN BÌNH THẠNH

Số 140 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	24,23%	26,01%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	75,77%	73,99%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	55,65%	46,46%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	44,35%	53,54%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,43	1,73
2.2 Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	0,68	1,18
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,13	1,44
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,32%	3,57%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,18%	2,68%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	5,15%	3,89%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	4,04%	2,92%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	9,10%	5,45%

Ngày 29 tháng 01 năm 2015

Nguyễn Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh Hồng
Kế toán trưởng

Dương Hồng Nhân
Giám đốc